zhuāng mú zuò yàng

装 模作样

verb phrase · to put on an act; to pretend

Example Sentences

Tā zhuāng mú zuò yàng de kàn shū
他 装 模作 样 地看 书。

He pretended to read a book.

Bié zhuāng mú zuò yàng le wǒ zhī dào nǐ qí shí bù dǒng
别 装 模作 样 了，我知道你其实不 懂 。

Stop pretending; I know you don't actually understand.

Trace each character, then write the word on your own.

装 装 装 装 装 装 装 装 装 装 装

装 装 装 装

模 模 模 模 模 模 模 模 模 模 模

模 模 模 模 模 模

作 作 作 作 作 作 作 作 作 作

zhuāng mú zuò yàng

装模作样

continued practice
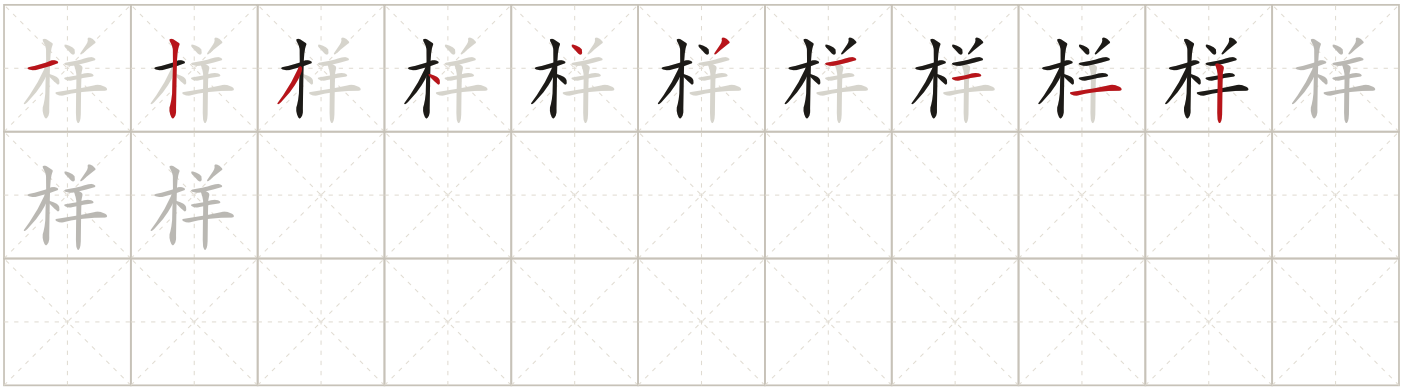
Continue tracing each character, then write the word on your own.